

Số: 1023/QĐ-TCT BĐATHH MB

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế dân chủ tại
Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Căn cứ Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ Về việc Quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ Luật lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc được ban hành kèm theo Quyết định số 1630/QĐ-BGTVT ngày 26/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Sau khi thống nhất với Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế dân chủ tại Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019, các quy định trước đây trái với các quy định tại Quy chế này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nội dung Quy chế sẽ được bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Điều 3: Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc; các Phó Tổng Giám đốc; Chánh Văn phòng; Trưởng các Phòng, Ban nghiệp vụ; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng công ty căn cứ phạm vi trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN Tổng cty;
- Lưu TCCB-LĐ, VT.



Phạm Quốc Sứy

**QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TẠI NƠI LÀM VIỆC
CỦA TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1023/QĐ-TCTBĐATHHMB ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Các cụm từ viết tắt:

- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc viết tắt là “Tổng công ty”.

- “Các đơn vị trực thuộc” bao gồm: Xí nghiệp Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Bắc Bộ; Bảo đảm an toàn hàng hải Bắc Trung Bộ; Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Trung Bộ; Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc và Ban quản lý dự án Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc.

- “Các công ty con” bao gồm các Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II, III, IV, VI.

2. Người quản lý và người lao động (sau đây gọi chung là người lao động) quy định tại Quy chế này là những lao động làm việc tại khối Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.

3. Người sử dụng lao động là Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty và những người được Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc ủy quyền thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

4. Tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở là Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở thành viên tại các đơn vị trực thuộc.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung quy chế dân chủ ở cơ sở và hình thức thực hiện công tác dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc (bao gồm Khối Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc) có thuê mướn, sử dụng lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Đối tượng áp dụng là các đơn vị trực thuộc, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định tại Quy chế này.

Các công ty con có trách nhiệm xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của đơn vị mình và tổ chức thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc

1. Tổng công ty xây dựng và thực hiện trên cơ sở thiện chí, hợp tác, bình đẳng, công khai, minh bạch quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

2. Người sử dụng lao động phải tôn trọng, bảo đảm các quyền dân chủ của người lao động tại nơi làm việc; quyền dân chủ được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật thông qua quy chế dân chủ của Tổng công ty.

3. Thực hiện dân chủ cơ sở tại nơi làm việc nhưng không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Chương II NỘI DUNG QUY CHẾ DÂN CHỦ

Điều 4. Những nội dung công khai tại Tổng công ty

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phòng, ban, tổ, sản xuất.

2. Nội quy, quy chế, quy định của doanh nghiệp, bao gồm: Nội quy lao động; quy chế tuyển dụng; định mức lao động; hệ thống thang lương, bảng lương; quy chế nâng bậc lương, quy chế trả lương, trả thưởng; trang bị bảo hộ lao động, quy trình vận hành máy, thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ; bảo vệ bí mật kinh doanh, bảo vệ bí mật công nghệ; thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

3. Thỏa ước lao động tập thể.

4. Nghị quyết Hội nghị người lao động.

5. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp.

6. Trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

7. Các quyết định thi đua, khen thưởng, kỷ luật, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động .

8. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung người lao động được tham gia ý kiến

1. Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế, quy định phải công khai tại doanh nghiệp.

2. Các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

3. Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể.

4. Nghị quyết hội nghị người lao động.

5. Quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.

6. Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung người lao động được quyết định

1. Giao kết, thỏa thuận, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

2. Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức công đoàn cơ sở.

3. Biểu quyết nội dung thương lượng thỏa ước lao động tập thể.

4. Biểu quyết nội dung Nghị quyết Hội nghị người lao động.

5. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung người lao động kiểm tra, giám sát

1. Thực hiện hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể.

2. Thực hiện các nội quy lao động, các quy chế và các văn bản của Tổng công ty và đơn vị liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

3. Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp.

4. Trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động.

5. Tình hình thi đua, khen thưởng, kỷ luật; khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động.

6. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị người lao động.

Chương III

HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ TẠI TỔNG CÔNG TY

Mục 1: Đối thoại tại nơi làm việc

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức đối thoại tại nơi làm việc

1. Đối thoại tại nơi làm việc được thực hiện thông qua việc trao đổi trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động hoặc giữa đại diện tập thể lao động với người sử dụng lao động.

2. Nội dung đối thoại, số lượng, thành phần tham gia đối thoại, thời gian, thời điểm đối thoại, quy trình tổ chức đối thoại thực hiện theo Quy chế đối thoại tại nơi làm việc của Tổng công ty BĐATHH miền Bắc.

Mục 2: Hội nghị người lao động

Điều 9. Hội nghị người lao động

Hội nghị người lao động do người sử dụng lao động và tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở tổ chức thực hiện.

Hội nghị người lao động được tổ chức theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu.

Điều 10. Tổ chức hội nghị người lao động

1. Đơn vị, phòng, ban có từ 10 người lao động trở lên phải tổ chức hội nghị người lao động.

2. Hội nghị người lao động được tổ chức một năm một lần.

3. Hội nghị người lao động được tổ chức theo hình thức hội nghị toàn thể đối với Đơn vị có dưới 100 lao động, theo hình thức hội nghị đại biểu đối với Đơn vị có từ 100 lao động trở lên.

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức hội nghị người lao động

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng quy chế tổ chức hội nghị người lao động, bố trí địa điểm, thời gian, các điều kiện vật chất cần thiết và tổ chức hội nghị người lao động. Quy chế tổ chức hội nghị người lao động được ban hành sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và phải được phổ biến công khai đến người lao động trong toàn Tổng công ty.

2. Tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở có trách nhiệm phối hợp với người sử dụng lao động tham gia xây dựng và thực hiện quy chế tổ chức hội nghị người lao động.

Điều 12. Thành phần tham gia hội nghị người lao động

1. Thành phần tham gia hội nghị toàn thể bao gồm toàn thể người lao động trong doanh nghiệp. Trường hợp người lao động không thể rời vị trí sản xuất thì người sử dụng lao động và tổ chức đại diện tập thể người lao động tại cơ sở thỏa thuận thành phần tham gia hội nghị.

2. Thành phần tham gia hội nghị đại biểu bao gồm:

2.1 Đại biểu đương nhiên:

a) Đối với hội nghị người lao động cấp Tổng công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng nghiệp vụ Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty làm việc tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc.

b) Đối với hội nghị người lao động cấp đơn vị trực thuộc, bao gồm: Giám đốc, các Phó giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Ban chấp hành Công đoàn tại đơn vị, Bí thư Đoàn thanh niên.

2.2 Đại biểu bầu là những người được hội nghị người lao động cấp phòng, ban, đơn vị bầu theo quy định.

2.3 Đại biểu được mời và triệu tập: Hội nghị người lao động cấp Tổng công ty có thể mời và triệu tập đại diện Lãnh đạo, đại diện Công đoàn cơ sở tại các Công ty con để phối hợp giải quyết các công việc, các chế độ chính sách chung của toàn Tổng công ty.

Điều 13. Bầu đại biểu tham dự hội nghị đại biểu

1. Số lượng đại biểu bầu tối thiểu được quy định như sau:

a) Đối với đơn vị, phòng, ban có số lao động dưới 100 lao động thì số đại biểu là 100% số lao động tại đơn vị, phòng, ban.

b) Đối với đơn vị có 100 lao động thì số đại biểu bầu ít nhất là 50 đại biểu;

c) Đối với đơn vị có từ 101 đến dưới 1000 lao động, ngoài số đại biểu phải bầu ban đầu tại Điểm b Khoản 1 Điều này, cứ 100 lao động thì bầu thêm ít nhất 5 đại biểu;

d) Đối với đơn vị có 1000 lao động thì bầu ít nhất là 100 đại biểu;

e) Đối với đơn vị có từ 1001 đến dưới 5000 lao động, ngoài số đại biểu phải bầu ban đầu tại Điểm d Khoản 1 Điều này, cứ 1000 lao động thì bầu thêm ít nhất 20 đại biểu;

2. Người sử dụng lao động và tổ chức đại diện tập thể người lao động tại cơ sở thống nhất, quyết định số lượng, cơ cấu đại biểu được bầu tham dự hội nghị đại

biểu và phân bổ số lượng, cơ cấu đại biểu được bầu tương ứng với số lượng và cơ cấu lao động của từng phòng, ban, phân xưởng, tổ sản xuất.

3. Đại biểu trúng cử phải đạt trên 50% tổng số phiếu bầu hợp lệ; trường hợp phát sinh trong quá trình bầu cử được quy định như sau:

a) Trường hợp nhiều người cùng đạt trên 50% tổng số phiếu bầu hợp lệ thì lấy theo thứ tự từ người có số phiếu cao nhất trở xuống cho đến khi đủ số đại biểu được phân bổ;

b) Trường hợp bầu lần thứ nhất số người trúng cử chưa đủ số lượng đại biểu được phân bổ thì tiếp tục bầu các lần tiếp theo cho đến khi có đủ số đại biểu;

c) Trường hợp nhiều người cùng đạt trên 50% tổng số phiếu bầu hợp lệ và có cùng số phiếu mà vượt quá số đại biểu được phân bổ thì tổ chức bầu tiếp đối với những người có cùng số phiếu bầu này để lấy người có số phiếu bầu cao hơn cho đến khi đủ số đại biểu được phân bổ.

Điều 14. Nội dung hội nghị người lao động

1. Hội nghị người lao động thảo luận các nội dung sau:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và những nội dung trực tiếp liên quan đến việc làm của người lao động, lợi ích của doanh nghiệp;

b) Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, các quy định, quy chế của doanh nghiệp;

c) Tình hình khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

d) Điều kiện làm việc và các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc;

đ) Kiến nghị, đề xuất của mỗi bên;

e) Các nội dung khác mà hai bên quan tâm.

2. Bầu thành viên đại diện cho tập thể lao động tham gia đối thoại.

3. Bầu đại biểu đại diện cho đơn vị đi dự Hội nghị người lao động cấp trên.

4. Thông qua nghị quyết hội nghị người lao động.

Điều 15. Trình tự tổ chức Hội nghị người lao động

1. Bầu đoàn chủ tịch và thư ký hội nghị.

2. Báo cáo tư cách đại biểu tham dự hội nghị.

3. Báo cáo của người sử dụng lao động.

4. Báo cáo của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

5. Đại biểu thảo luận (trong đó thảo luận Thỏa ước lao động; Quy chế dân chủ, chương trình hành động phòng chống tham nhũng...).

6. Bầu thành viên đại diện cho tập thể lao động tham gia đối thoại.

7. Biểu quyết thông qua nghị quyết hội nghị người lao động.

Điều 16. Phổ biến, triển khai, giám sát thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở phổ biến kết quả hội nghị người lao động đến toàn thể người lao động và tổ chức triển khai nghị quyết hội nghị người lao động trong Tổng công ty.

2. Tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở có trách nhiệm phối hợp với người sử dụng lao động phổ biến kết quả hội nghị người lao động đến toàn thể người lao động trong Tổng công ty; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động trong Tổng công ty.

3. Đại biểu tham dự hội nghị người lao động có trách nhiệm phổ biến kết quả và nghị quyết hội nghị người lao động đến những người lao động không tham dự hội nghị người lao động ở các phòng ban, đơn vị mình làm đại diện tham dự hội nghị đại biểu.

Mục 3: Các hình thức thực hiện dân chủ khác

Điều 17. Các hình thức thực hiện dân chủ khác

1. Cung cấp và trao đổi thông tin tại các cuộc họp lãnh đạo chủ chốt hoặc tại các cuộc họp từ tổ, đến toàn Tổng công ty hoặc tại các cuộc họp chuyên môn của các phòng, ban, đơn vị.

2. Niêm yết công khai ở những địa điểm thuận lợi tại Tổng công ty.

3. Cung cấp thông tin qua hệ thống truyền thanh, thông tin nội bộ, mạng internet hoặc bằng văn bản, các ấn phẩm sách, báo gửi đến từng người lao động, phòng, ban, đơn vị, tổ, đội sản xuất.

4. Hòm thư góp ý kiến.

5. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức lấy ý kiến trực tiếp người lao động, do người sử dụng lao động hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty thực hiện.

7. Biểu quyết tại các cuộc họp, hội nghị trong Tổng công ty hoặc đơn vị.

8. Thông qua Ban thanh tra nhân dân của Tổng công ty.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019.

Quy chế Dân chủ tại Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc ban hành kèm Quyết định số 125/QĐ TCT BĐATHH MB ngày 10/3/2014 hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý Tổng công ty, Quy chế này sẽ được xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế của Tổng công ty và các quy định của pháp luật./.